

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2021.

V/v “Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Tuấn Hải

Ông Nguyễn Đức Thiệu

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kiều Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu Đ, xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Quyết Đức T1, sinh năm 1963.

Nơi ĐKKHKT: Khu T2, thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Khu T3, thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Người giám hộ cho ông Quyết Đức T1: Chị Quyết Thị Thu H, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khu B, thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Bà T, ông T1, chị H vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Quyết Đức T1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phú (nay là thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ) ngày 16/12/1991 Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông T1 thường xuyên đánh chửi bà, bà và các con đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông T1

vẫn không thay đổi. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhau không còn quan tâm đến nhau nữa, nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T1.

1.2. Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 con chung là Quyết Thị Thanh H1, sinh ngày 18/7/1992 và Quyết Thị Thu H2, sinh ngày 08/9/1998, cả hai con chung đã trưởng thành, xây dựng gia đình và có cuộc sống riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Bà xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Quyết Đức T1 trình bày tại bản tự khai như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phú (nay là thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Phú T1) ngày 16/12/1991, quá trình chung sống có mẫu Tẫn, nay bà T xin ly hôn ông đồng ý.

1.2. Về con chung: Ông T1 xác định vợ chồng có 02 con chung là Quyết Thị Thanh H1, sinh ngày 18/7/1992 và Quyết Thị Thu H2, sinh ngày 08/9/1998, cả hai con chung đã trưởng thành, xây dựng gia Đ và có cuộc sống riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Ông xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ông đồng ý chị H2 là người giám hộ cho ông.

3. Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

3.1. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn, người giám hộ đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình T thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử vụ án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật.

3.2. Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia Đ. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Quyết Đức T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Quyết Thị Thanh H1, sinh ngày 18/7/1992 và Quyết Thị Thu H2, sinh ngày 08/9/1998, cả hai con chung đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng và có cuộc sống riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con chung, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng: Bà T và ông T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn: Bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn”. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án Tộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú T1.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị T và ông Quyết Đức T1 (chị Quyết Thị T Hiền là người giám hộ cho ông T1) vắng mặt, tuy nhiên ngày 10/12/2021 bà T, ông T1 (chị Hiền giám hộ cho ông T1) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T và ông Quyết Đức T1 (chị Quyết Thị Thu H2 giám hộ cho ông T1).

Bà Nguyễn Thị T và ông Quyết Đức T1 (chị Quyết Thị Thu H2 giám hộ cho ông T1) có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: bà Nguyễn Thị T và ông Quyết Đức T1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phú (nay là thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Phú T1) ngày 16/12/1991, theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia Đ, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị T xác định vợ chồng hiện nay đã sống ly thân nhau, tình cảm không còn, không thể trở về đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được và xin ly hôn với ông Quyết Đức T1. Ông Quyết Đức T1 nhất trí ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Quyết Đức T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do ông T1 mắc bệnh dẫn đến có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo Quyết định số 03/2021/QĐST-DS ngày 13/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú T1 đã có hiệu lực pháp luật. Việc bà T xin ly hôn ông T1 là có căn cứ, đúng thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia Đ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[2.2] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị T và ông Quyết Đức T1 đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Quyết Thị Thanh H1, sinh ngày 18/7/1992 và Quyết Thị Thu H2, sinh ngày 08/9/1998, cả hai con chung đã trưởng thành, xây dựng gia đình và có cuộc sống riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng*: Bà Nguyễn Thị T và ông Quyết Đức T1 (chị Quyết Thị T Hiền là người giám hộ) đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

[3] Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56,57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Quyết Đức T1 (chị Quyết Thị Thu H2 là người giám hộ).

2. *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị T và ông Quyết Đức T1 đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Quyết Thị Thanh H1, sinh ngày 18/7/1992 và Quyết Thị Thu H2, sinh ngày 08/9/1998, cả hai con chung đã trưởng thành, xây dựng gia đình và có cuộc sống riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng:* Bà Nguyễn Thị T và ông Quyết Đức T1 (chị Quyết Thị Thu H2 là người giám hộ) đều xác định không có, không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận bà T đã nộp đủ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0008389 ngày 23/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Bà T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn YL;
- (vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Anh

